TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 12/2026/HNGĐ-ST Ngày 21 tháng 01 năm 2026 Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Lý và bà Nguyễn Ngọc Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thái Hà– Thư ký, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thanh Loan – Kiểm sát viên trung cấp và bà Phạm Thị Thu H - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 21 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 133/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2025, về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2026/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thanh V, sinh năm 1990; căn cước số 015190007081, do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội – Bộ C cấp ngày 11/08/2021; địa chỉ: Tổ dân phố B, phường N, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm 1988; căn cước công dân số 015088010593, do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội – Bộ C cấp ngày 11/08/2021; địa chỉ: Tổ dân phố B, phường N, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai; các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn L đăng ký kết hôn ngày 10-9-2014 tại UBND xã M, huyện Y, tỉnh Yên Bái cũ (nay là xã B, tỉnh Lào Cai), trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 4 năm

2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau, xúc phạm, không tôn trọng nhau, trong cuộc sống anh L luôn gây áp lực tinh thân cho chị, anh L còn xúc phạm bố mẹ đẻ của chị. Mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 01/2025, vợ chồng xảy ra xô sát, anh L đã đuổi chị ra khỏi nhà, chị đã phải nhờ đến C1, cũng từ tháng 1/2025 đến nay chị và anh L sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị V với xác định tình cảm đã hết và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn L.

Về con chung: Chị và anh Trần Văn L có hai con chung là cháu Trần Ngọc L1, sinh ngày 11 tháng 03 năm 2015 và cháu Trần Ngọc T, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2019. Chị V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Chị Phạm Thị Thanh V không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07 tháng 11 năm 2025 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Trần Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như chị V trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nên xảy ra tranh cãi, hơn nữa vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau. Mâu thuẫn đã được hai vợ chồng tự hòa giải nhưng không thành, từ tháng 1 năm 2025 chị V đã bỏ nhà ra ngoài ở, cũng từ thời gian đó vợ chồng sống ly thân với nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh L xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị V về đoàn tụ.

Về nuôi con: Anh và chị V có 02 con chung như chị V trình bày là đúng. Anh L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Trần Ngọc L1, sinh ngày 11 tháng 03 năm 2015 và để chị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Trần Ngọc T, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2019. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Anh Trần Văn L không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Lào Cai phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án, cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, các thành viên của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các quyền, nghĩa vụ của đương sự đã được bảo đảm.

+ Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147; các Điều 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Phạm Thị Thanh V được ly hôn với anh Trần Văn L; Về nuôi con: Giao cháu Trần Ngọc L1, sinh ngày 11 tháng 03 năm 2015 cho anh Trần Văn L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi. Giao cháu Trần Ngọc T, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2019 cho chị Phạm Thị Thanh V trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi. Chị V và anh L không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí, quyền kháng cáo đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bị đơn anh Trần Văn L có nơi thường trú tại Tổ dân phố B, phường N, tỉnh Lào Cai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lào Cai.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thanh V và anh Trần Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh Yên Bái cũ (nay là xã B, tỉnh Lào Cai) ngày 10 tháng 09 năm 2014 là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị V, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến tháng 4 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, không còn tôn trọng nhau. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2025 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Anh Trần Văn L cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nên xảy ra tranh cãi, hơn nữa vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, không tôn trọng nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2025 đến nay. Tuy nhiên anh L xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng về đoàn tụ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, phân tích để các đương sự về đoàn tụ nhưng chị V vẫn kiên quyết ly hôn, anh L cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn nhưng không đưa ra được

giải pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, Tòa án đã hòa giải không thành. Từ đó, có căn cứ cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị V là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Phạm Thị Thanh V và anh Trần Văn L có 02 con chung là cháu Trần Ngọc L1, sinh ngày 11 tháng 03 năm 2015 và cháu Trần Ngọc T, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2019. Chị V và anh L không thống nhất được về việc nuôi con. HĐXX thấy, nguyện vọng được nuôi con của chị V và anh L là chính đáng, xét điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con của các bên là như nhau, nên HĐXX giao mỗi bên đương sự nuôi 01 con chung. Hiện cháu L1 đang học lớp 7, đã có thể tự mình thực hiện các sinh hoạt cá nhân nên giao cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Cháu T hiện còn nhỏ, cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ hơn, nên giao cho chị V nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện của các bên và quy định của pháp luật.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị V và anh L mỗi bên đương sự nuôi một con chung nên vấn đề cấp dưỡng không đặt ra.

[2.4] Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Chị V và anh L có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà về việc giải quyết nội dung vụ án là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; các Điều 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thanh V được ly hôn với anh Trần Văn L

2. Về nuôi con: Giao cho anh Trần Văn L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Ngọc L1, sinh ngày 11 tháng 03 năm 2015; Giao cho chị Phạm Thị Thanh V trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

cháu Trần Ngọc T, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2019, cho đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi.

Chị V và anh L không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con, có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Thanh V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), chị V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, ký hiệu: BLTU/25E, số 0001331 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai ngày 16/10/2025. Xác nhận chị V đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Thanh V và anh Trần Văn L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 1, tỉnh Lào Cai;
- Phòng THADS khu vực 1, tỉnh Lào Cai;
- UBND xã Bảo Ái, tỉnh Lào Cai (GCNKH số 43 ngày 10/09/2014 của UBND xã Mông Sơn, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái cũ);
- Đương sự (02);
- Lưu: Hồ sơ; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Hoàng Hải